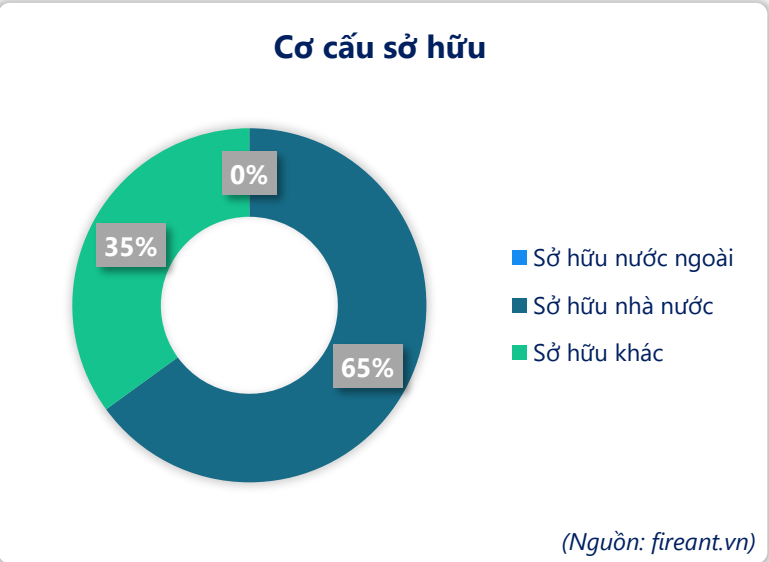
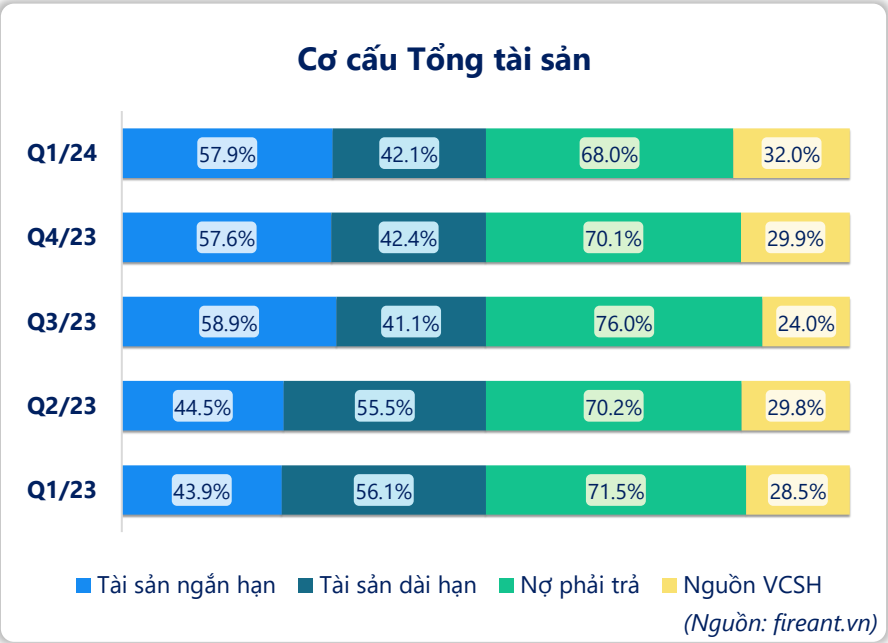
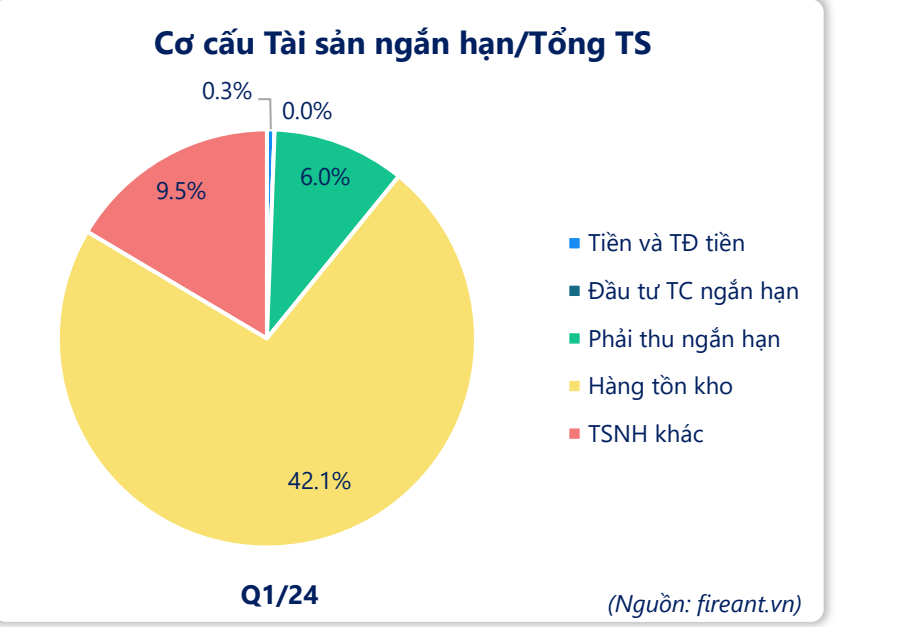
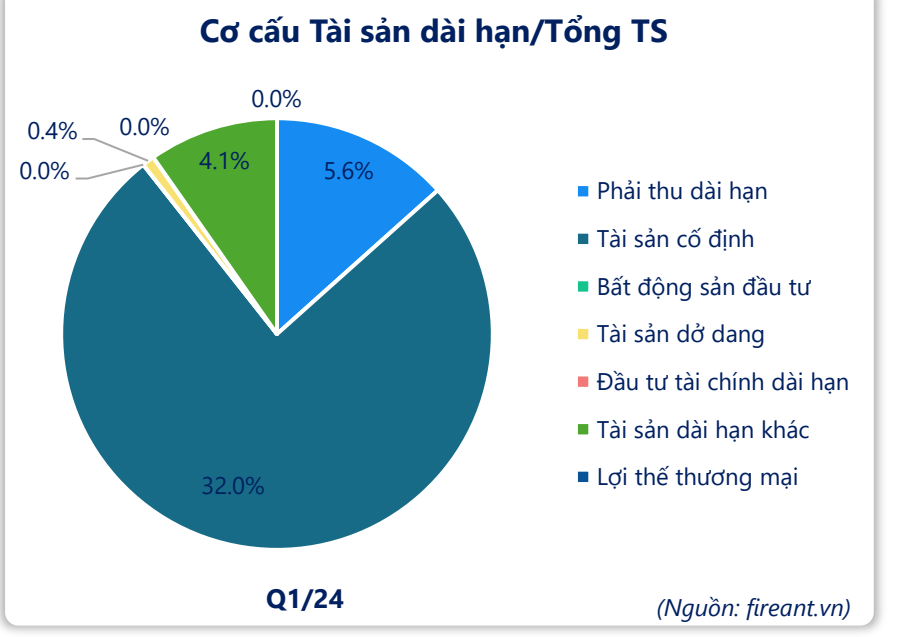
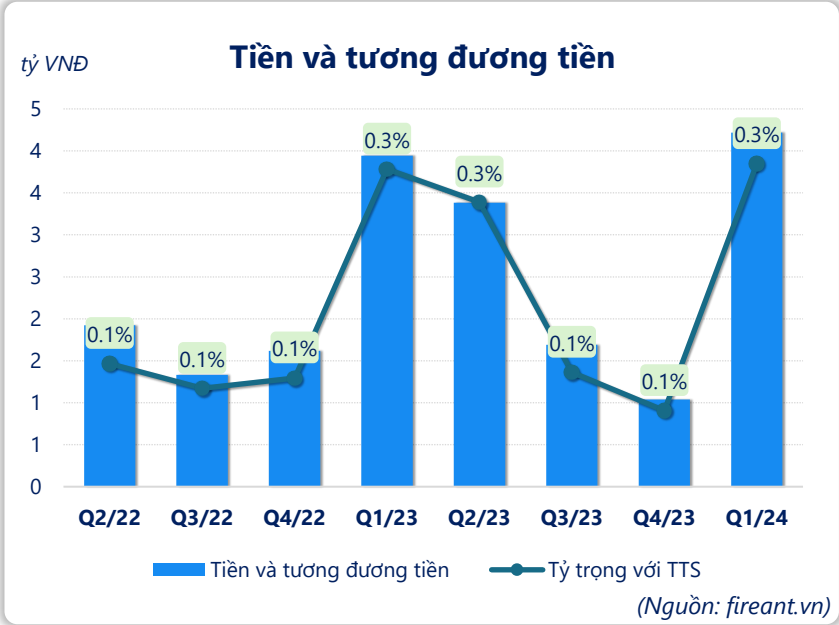
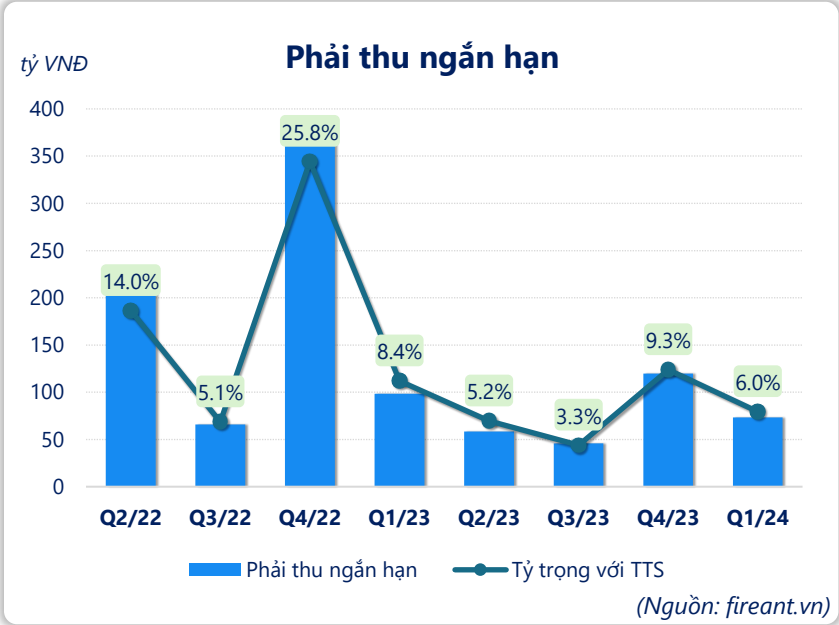
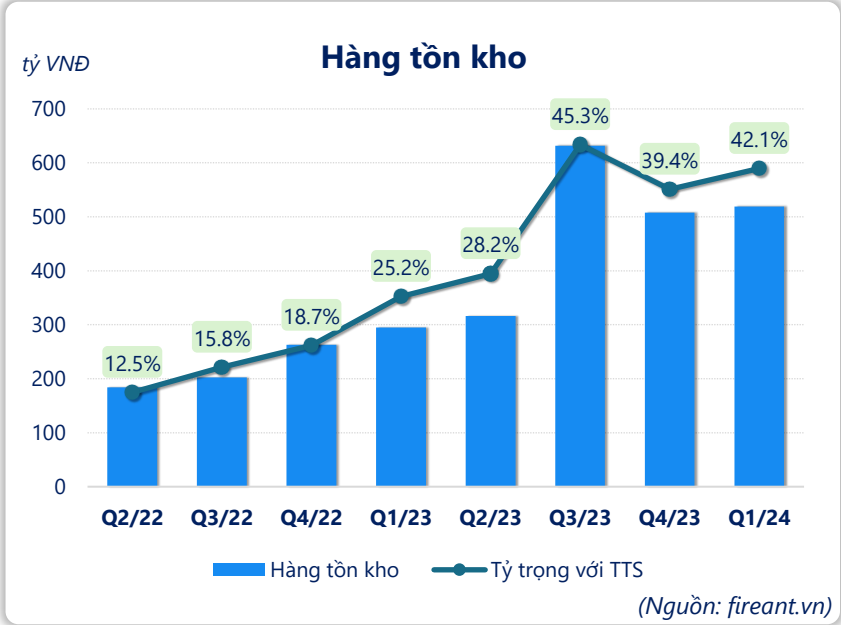
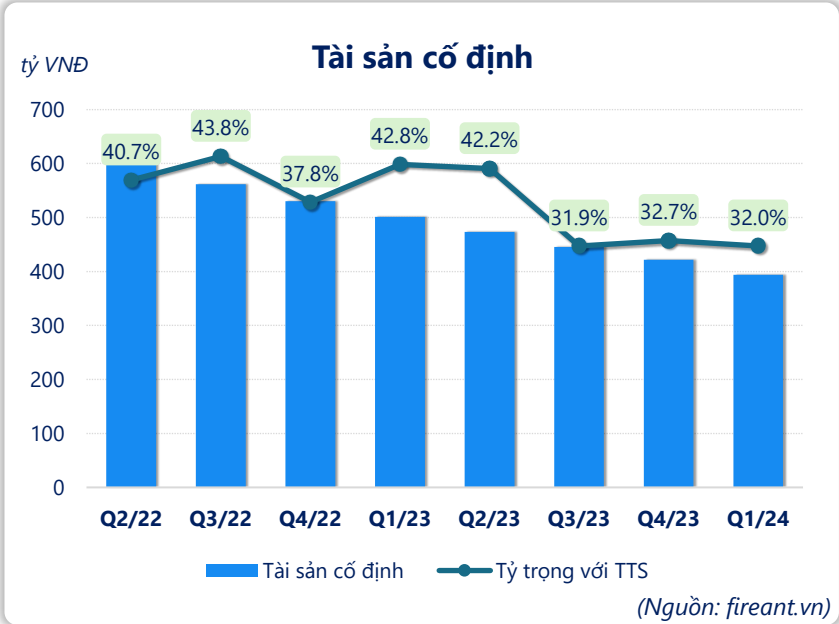
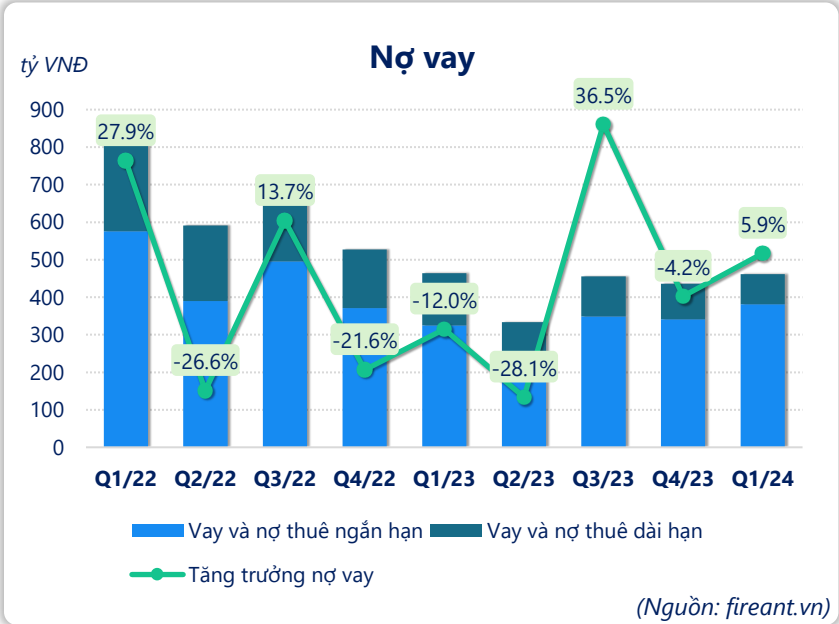
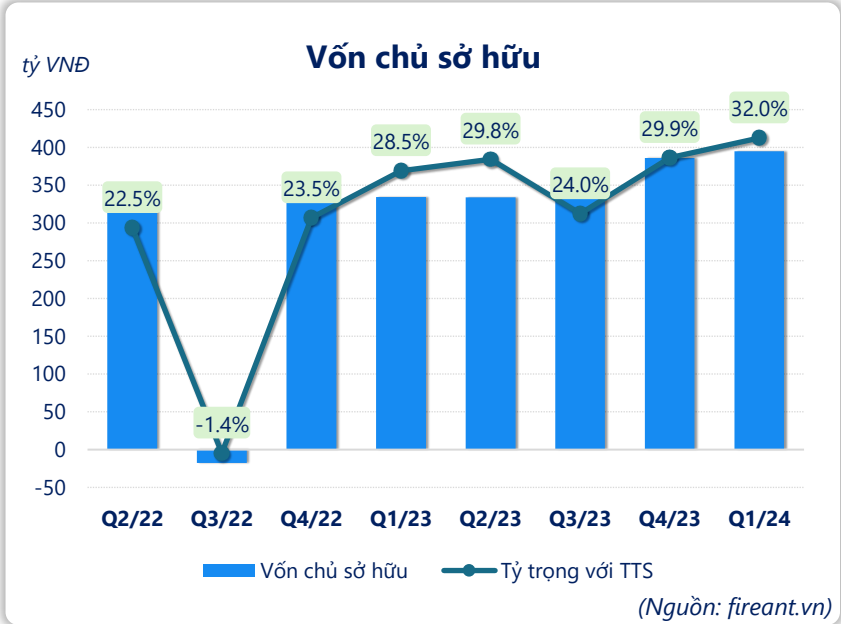
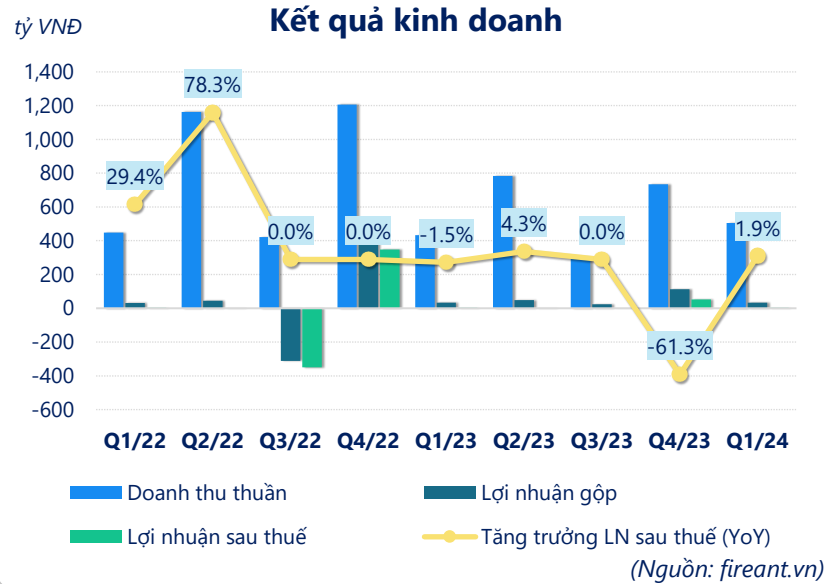
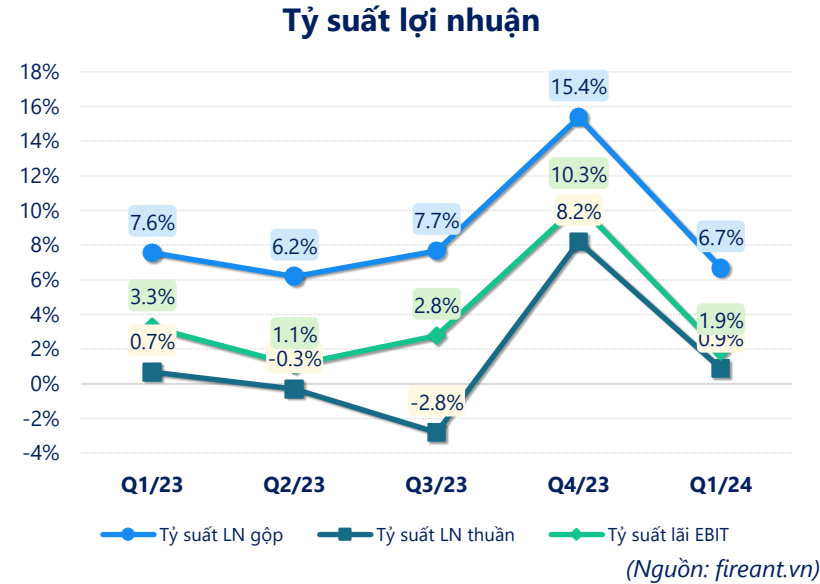
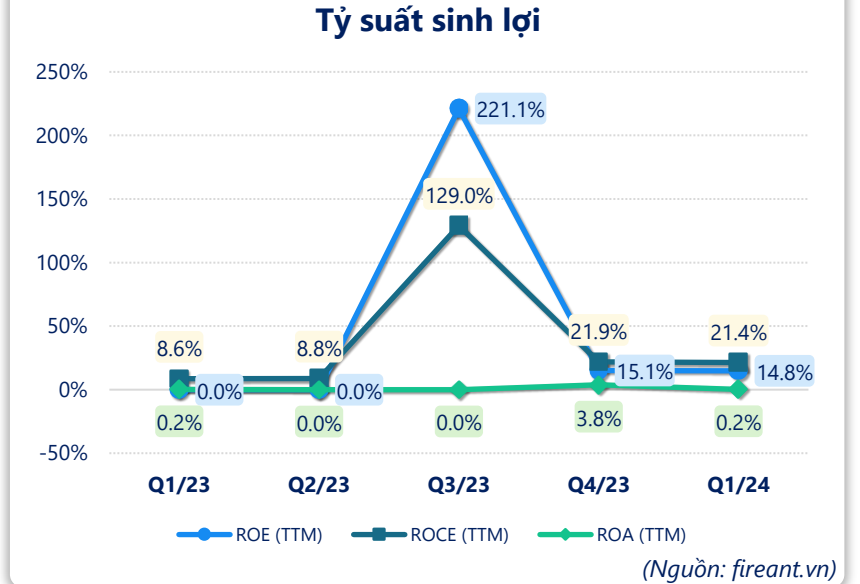
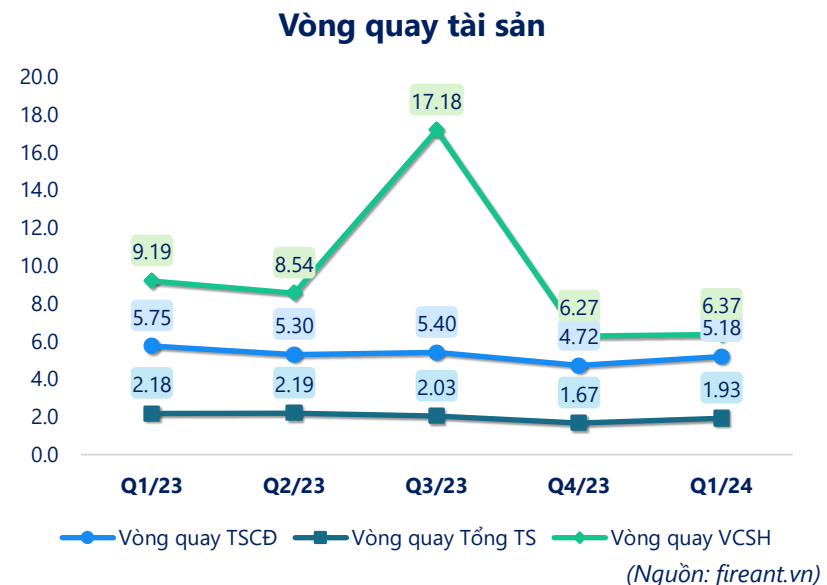
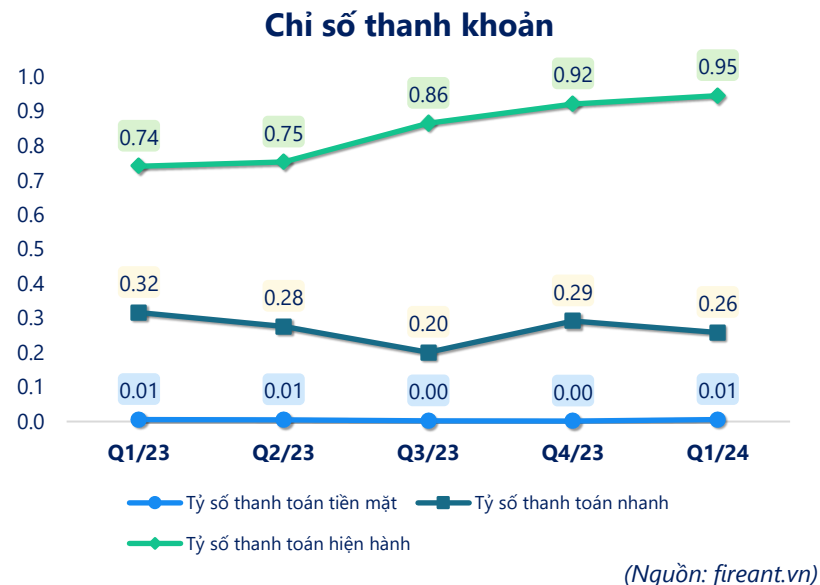
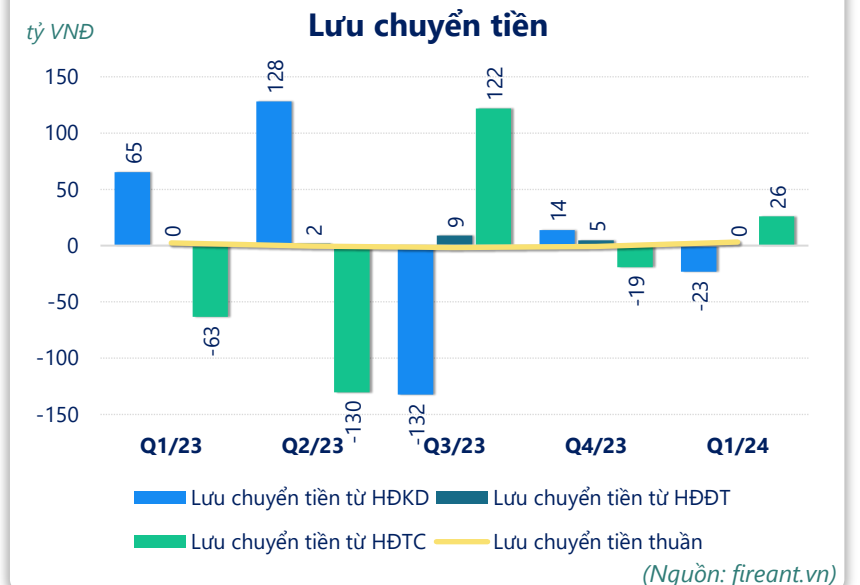


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		11,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,300
SL cổ phiếu LH		32,496,105
KLGD BQ 20 phiên (CP)		279,785
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		357
P/E		6.6
EPS		1,664

	YTD	1T	3T	6T
TC6	31.0%	17.0%	27.9%	48.6%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,233	1,314	-6.1%
Tài sản ngắn hạn	715	767	-6.9%
Tiền và tương đương tiền	4.22	1.04	306%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	73.4	141	-48.0%
Hàng tồn kho	519	510	1.8%
Tài sản ngắn hạn khác	118	115	2.4%
Tài sản dài hạn	519	547	-5.1%
Phải thu dài hạn	69.4	65.2	6.6%
Tài sản cố định	394	422	-6.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.76	4.76	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	50.4	55.3	-8.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	839	922	-9.0%
Nợ ngắn hạn	756	825	-8.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	382	341	11.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	235	349	-32.6%
Nợ dài hạn	82.7	97.4	-15.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	80.1	94.5	-15.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	395	392	0.6%
Vốn chủ sở hữu	395	392	0.6%
Vốn điều lệ	325	325	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	433	783	299	734	505
Giá vốn hàng bán	400	735	276	621	472
Lợi nhuận gộp	32.8	48.5	22.9	113	33.7
Doanh thu HĐTC	0.48	0.48	0.48	0.48	0.51
Chi phí TC	11.0	9.06	7.77	8.56	6.45
Chi phí lãi vay	11.0	9.06	7.77	8.56	6.45
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.03	0.58	0.32	0.69	0.57
Chi phí QLDN	18.3	41.7	23.7	43.9	22.8
LN thuần từ HĐKD	2.91	-2.31	-8.38	60.1	4.45
Lợi nhuận khác	0.17	1.81	8.92	7.06	-1.31
LN trước thuế	3.08	-0.50	0.54	67.2	3.14
Lợi nhuận sau thuế	2.46	-0.40	0.43	51.5	2.51
LNST của CĐ cty mẹ	2.46	-0.40	0.43	51.5	2.51

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	65.2	128	-132	13.8	-23.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.34	1.89	9.01	4.80	0.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-63.3	-130	122	-19.3	25.9
Tiền đầu kỳ	1.62	3.94	3.38	1.69	1.04
Lưu chuyển tiền thuần	2.32	-0.56	-1.69	-0.65	3.18
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.94	3.38	1.69	1.04	4.22

(Nguồn: fireant.vn)